

Đức Tin Bày tỏ qua Hành Động- Faith Shows in Action

Gia-cơ James 2:14-26 (BDM/NIV)

Ý tưởng chính: Đức tin cứu rỗi luôn tạo ra những việc lành và dựa trên sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời trong Chúa Giê-xu Christ.

Main idea: The faith that saves always produces good works and is based on God's saving work in Jesus Christ.

A. Những câu hỏi gợi ý đơn giản & áp dụng – Basic questions & applications]

I. Một số câu hỏi có thể dùng khi thảo luận trong đoạn Kinh Thánh Chọn những câu phù hợp cho nhóm mình (Xin liên lạc với mục sư... nếu cần câu trả lời chung)... Few question can be used for discussion... Choose the question to fit the need of the group (Let pastor know if you need the answer key)

1. Bạn định nghĩa đức tin theo Kinh thánh như thế nào đối với một người chưa tin?
How would you define biblical faith to an unbeliever?
2. Nếu ngay cả những Cơ đốc nhân trưởng thành cũng phạm tội, thì làm sao chúng ta có thể hy vọng đáp ứng tiêu chuẩn của Gia-cơ trong phân đoạn này?
If not even mature Christians are sinless, how can we hope to meet James's standard in this passage?
3. Cách bạn đối xử với những người gặp khó khăn cho thấy đức tin của bạn như thế nào? *What does your treatment of those in need reveal about your faith?*
4. Với giới hạn của thời gian và tài lực, chúng ta có trách nhiệm gì đối với người nghèo?
Given that we have limited time and resources, what is our responsibility to the needy?
5. Tại sao rất dễ làm mờ ranh giới giữa làm việc lành là *phương tiện* để được cứu rỗi và việc làm việc lành là *bằng chứng* của sự cứu rỗi?
Why is it so easy to blur the line between doing a good work as a means to salvation and doing a good work as evidence of salvation?
6. Gia-cơ 2:20-24 phù hợp thế nào với sự dạy dỗ của Phao-lô về sự xưng công bình chỉ bởi đức tin?
How is James 2:20-24 consistent with Paul's teaching on justification by faith alone?
7. Sự khác biệt giữa đức tin chết và đức tin sống là gì? *What's the difference between dead faith and living faith?*
8. Nguy cơ gì khi bỏ phước âm ra khỏi cuộc thảo luận về công việc Đức Chúa Trời đòi hỏi?
What's the danger of leaving the gospel out of a discussion on the works God requires?
9. Đâu là sự khác biệt giữa lời biện minh ban đầu của chúng ta và lời biện minh của chúng ta vào ngày cuối cùng? *What's the difference between our initial justification and our justification on the last day?*
10. Nền tảng sự cứu rỗi của bạn là gì? Tại sao biết được lẽ thật này lại quan trọng đến vậy? What is the basis of your salvation? Why is it so crucial to know this truth?

B. Bạn áp dụng thực hành một cách thực tế bài học như thế nào cho đời sống mình trong tuần tới hoặc cho những tháng năm sắp tới để có thể phước lợi cho cá nhân, gia đình, và hội thánh West Houston VBC.

How you realistically apply the lesson to your life in the coming week or the years ahead to benefit individuals, families, and the West Houston VBC Congregation.

***** Học Thuộc Lòng Rô-ma 6:11** *Vậy anh chị em cũng hãy coi mình thật sự chết đối với tội lỗi, và sống là sống cho Đức Chúa Trời trong Chúa Cứu Thế Giê-xu. (BDM)*

***** Memory Verse Romans 6:11** *In the same way, count yourselves dead to sin but alive to God in Christ Jesus. (NIV)*

Nghiên Cứu Câu Kinh Thánh - Verse Study Form

Hoàn tất phần nghiên cứu với câu Kinh Thánh thuộc lòng có đánh dấu hoa thị (*) ở trang trước

Using the suggested memory verse marked with an asterisk from the opposite page, complete this verse study form.

1. Địa chỉ của câu Kinh Thánh – verse reference _____

2. Viết ra và định nghĩa hai từ chìa khóa (quan trọng) trong câu Kinh Thánh đó.
List two key words and define them.

Từ chìa khóa – Key Word: _____

Định nghĩa - Definition: _____

Từ chìa khóa – Key Word: _____

Định nghĩa - Definition: _____

3. Câu Kinh Thánh này nói gì? (Viết lại câu Kinh Thánh theo lối hành văn riêng của quý vị).
What does the verse say? (Paraphrase—Rewrite the verse in your own words.)

4. Tôi có thể áp dụng chân lý của câu Kinh Thánh này vào đời sống của tôi như thế nào?
How can you apply the truth of this verse to your life today?

Kết thúc (bằng thì giờ cầu nguyện và bài tập chuẩn bị cho buổi học lần tới)

Closing (Prayer time and assignment for next week)